TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/DS – ST
Ngày 07-6-2022
V/v:"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Ngọc Sơn

Ông Nguyễn Văn Lâm

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Hữu Văn – Thư ký Tòa án

Ngày 07 tháng 6 năm 2022 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2022/TLST-DS, ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 453/2022/QĐST- DS ngày 09 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST – DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Mỹ L, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Số 70 đường số 6, KP, phường TP, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn Phan Thị Mỹ L: Chị Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 1992 nơi cư trú: Số nhà 88/5 ấp QT, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

** Bị đơn:*

1. Ông Bùi Văn P, sinh năm 1977 (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Số nhà 108/4 ấp An Điền, xã An Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

(Các đương sự có mặt tại tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào tháng 06 năm 2020 ông Bùi Văn P và bà Nguyễn Thị T có đến mua thuốc, thức ăn, tại cửa hàng của chị Phan Thị Mỹ L để nuôi tôm công nghiệp. Hai bên thỏa thuận, khi cần mua mặt hàng nào phục vụ nuôi tôm thì điện thoại đến cửa hàng thì chị Linh sẽ giao hàng tận nơi, khi nào thu hoạch tôm xong thì phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền thức ăn cho chị Linh. Mặc dù, các bên có thỏa thuận khi nào thu hoạch tôm xong dù lời hay lỗ thì ông ông Bùi Văn P và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán hết cho chị Linh.

Tính đến ngày 13/11/2021 thì ông Bùi Văn P và bà Nguyễn Thị T còn nợ chị Phan Thị Mỹ L số tiền là 104.973.750 đồng. Ngày 12/12/2021 ông P, bà T có trả 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và thống nhất còn nợ chị Linh số tiền là 99.973.750 đồng, sau nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu trả nợ nhưng ông P, bà T vẫn không thanh toán nợ, nên chị Linh khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn P và bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho chị Linh số tiền là 99.973.750 đồng (Chín mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng) yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi từ ngày 14/11/2011 đến ngày 02/12/2021 mức lãi suất 0,83%/ tháng, số tiền lãi là 435.641 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm bốn mươi mốt đồng).

** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà thừa nhận vào năm 2020 đến ngày 13/11/2021 bà và chồng bà là là ông Bùi Văn P có hợp đồng mua bán thức ăn và thuốc nuôi trồng thủy sản với chị Phan Thị Mỹ L với hình thức ghi sổ, sau nhiều lần có mua và có trả tiền tính đến ngày 13/11/2021 vợ chồng bà còn nợ số tiền 104.973.750 đồng, đến ngày 12/12/2021 có trả được 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) số tiền còn thiếu là 99.973.750 đồng (Chín mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng). Do vợ chồng bà nuôi trồng thủy sản bị thua lỗ nên chưa trả được cho chị Phan Thị Mỹ L.

Nay chị Phan Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 99.973.750 đồng đồng trả một lần thì vợ chồng bà không có khả năng trả. Bà đề nghị được trả số tiền thiếu làm 02 lần, lần đầu vào tháng 9/2022 trả 50.000.000 đồng và tháng 9/2023 sẽ trả hết số tiền còn lại và yêu cầu không tính lãi.

* Bị đơn ông Bùi Văn P vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình tố tụng có bản khai thừa nhận còn thiếu chị Phan Thị Mỹ L số tiền 99.973.750 đồng (Chín mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng) do kinh tế gia đình khó khăn đề nghị được trả số tiền 99.973.750 đồng trong 02 năm, mỗi năm trả ½ số tiền còn thiếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ L vụ án có quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Bị đơn ông Bùi Văn P và bà Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại ấp Giang Hà, xã An Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Bùi Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng có mặt không rõ lý do, Tòa án xử xét xử vắng mặt ông Bùi Văn P là đúng theo quy định Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Từ năm 2020 đến ngày 13/11/2021 chị Phan Thị Mỹ L có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản với vợ chồng ông Bùi Văn P và bà Nguyễn Thị T nhưng không có lập thành văn bản, khi giao thức ăn hai bên có ghi sổ và thỏa thuận cuối vụ nuôi tôm bên mua phải thanh toán tiền thức ăn. Xét việc thỏa thuận này được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật nên được xem là hợp pháp. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Bùi Văn P, bà Nguyễn Thị T thừa nhận khi chốt nợ còn thiếu chị Phan Thị Mỹ L số tiền 99.973.750 đồng (Chín mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng) nên nguyên đơn không phải chứng minh số tiền bị đơn còn nợ được quy định tại khoản 2, 3 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do ông ông Bùi Văn P, bà Nguyễn Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên chị Phan Thị Mỹ L khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn P, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Xét lời trình bày của bà Nguyễn Thị T đồng ý trả cho chị Phan Thị Mỹ L số tiền số tiền 99.973.750 đồng nhưng đề nghị được trả 02 lần, lần đầu vào tháng 9/2022 trả 50.000.000 đồng và tháng 9/2023 sẽ trả hết số tiền còn lại, yêu cầu không tính lãi do khó khăn về kinh tế, nhưng quá trình tố tụng bị đơn ông Bùi Văn P, bà Nguyễn Thị T không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh đang khó khăn về kinh tế và yêu cầu này không được nguyên đơn đồng ý, nên không được chấp nhận.

[4] Xét việc mua thức ăn để nuôi tôm và thuốc thủy sản của ông Bùi Văn P, bà Nguyễn Thị T là nhằm phục vụ cho việc phát triển kinh tế và đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, nhưng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình buộc ông Bùi Văn P, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên

đới trả cho chị Phan Thị Mỹ L số tiền 99.973.750 đồng là đúng quy định của pháp luật. Ghi nhận chị Phan Thị Mỹ L không yêu cầu tính lãi.

[5] Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về phần tiền lãi tính từ ngày 14/11/2011 đến ngày 02/12/2021 với số tiền là 435.641 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm bốn mươi mốt đồng). Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại các Điều 217, 218 và 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Do khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Mỹ L được chấp nhận, nên ông Bùi Văn P, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch là 4.998.687 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và Điều 147, 273, 217, 218, 219, 227 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, 432, 433, 434, 440, 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ L.

Buộc ông Bùi Văn P, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phan Thị Mỹ L số tiền 99.973.750 đồng (Chín mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Mỹ L về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Bùi Văn P, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Phan Thị Mỹ L tiền lãi 435.641 đồng (Bốn trăm ba mươi lăm ngàn sáu trăm bốn mươi mốt đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Văn P, bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới chịu 4.998.687 đồng (Bốn triệu chín trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm tám mươi bảy đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 2.635.000 đồng (Hai triệu sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng) cho chị Phan Thị Mỹ L (do Nguyễn Thị Thảo N nộp thay) theo biên lai thu số 0004314 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre
- VKS nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ vụ án, VP);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Văn Phương